

Ngày 31/03/2024	8,190 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.3%	6.9%	2.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,900 - 10,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,997
Số lượng CPLH (CP)	243,884,268
KLGD BQ 20 phiên (CP)	766,485
Sở hữu nước ngoài	28.0%
Beta	1.05
EPS	346
P/E	23.7

DT thuần
Q1/24

3,388

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 202| 6.3%

YoY: ▼730| -17.7%

LN trước thuế
Q1/24

165

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 42.0| 34.5%

YoY: ▲ 105| 174%

LN sau thuế
Q1/24

133

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 35.5| 36.4%

YoY: ▲ 97.7| 277%

ROA
2023

0.3%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần
2023

14,522

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,805| -16.2%

LN trước thuế
2023

315

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 158| 100%

LN sau thuế
2023

219

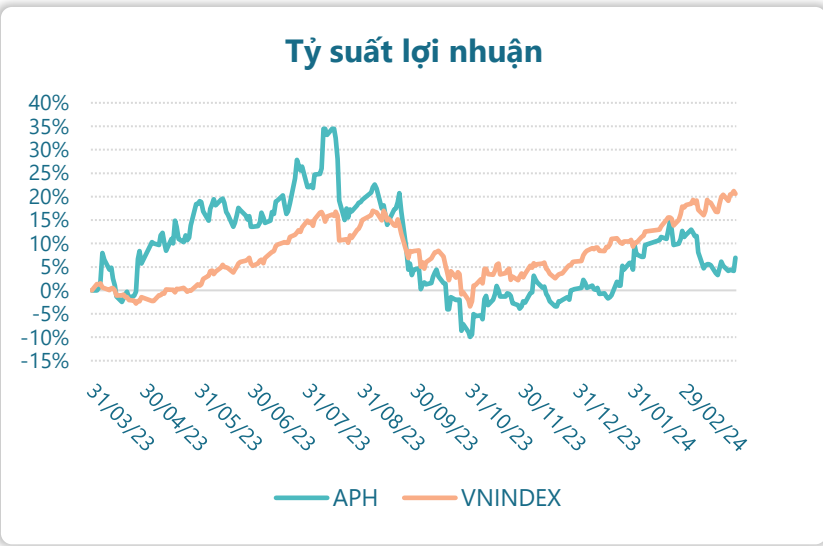
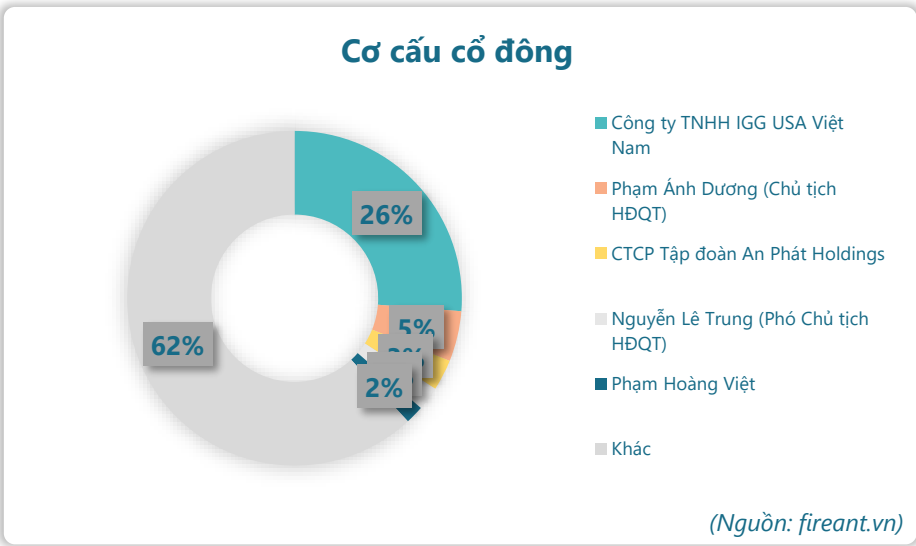
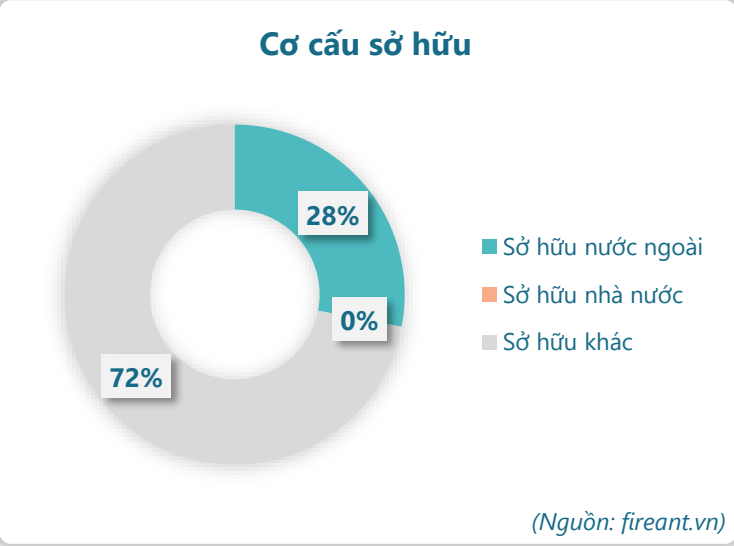
tỷ VNĐ

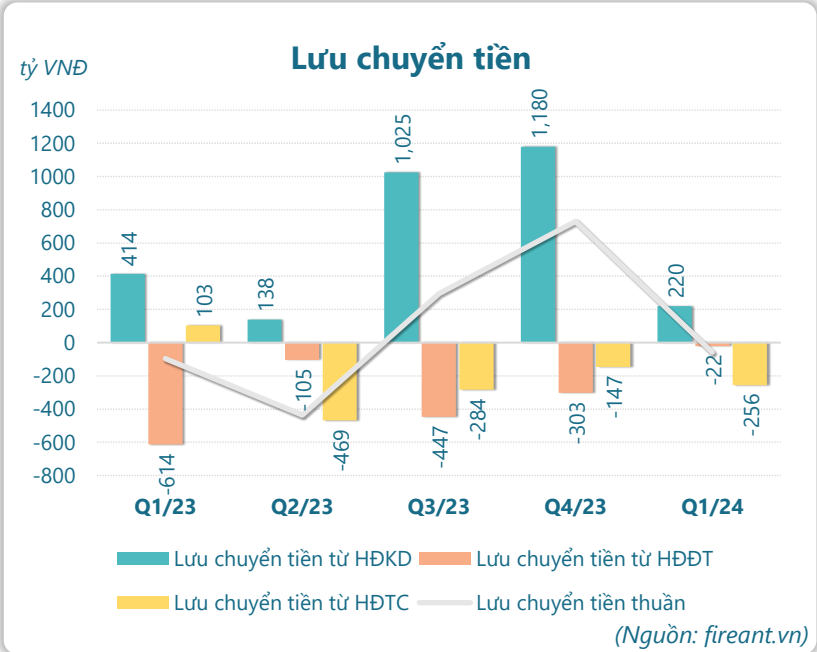
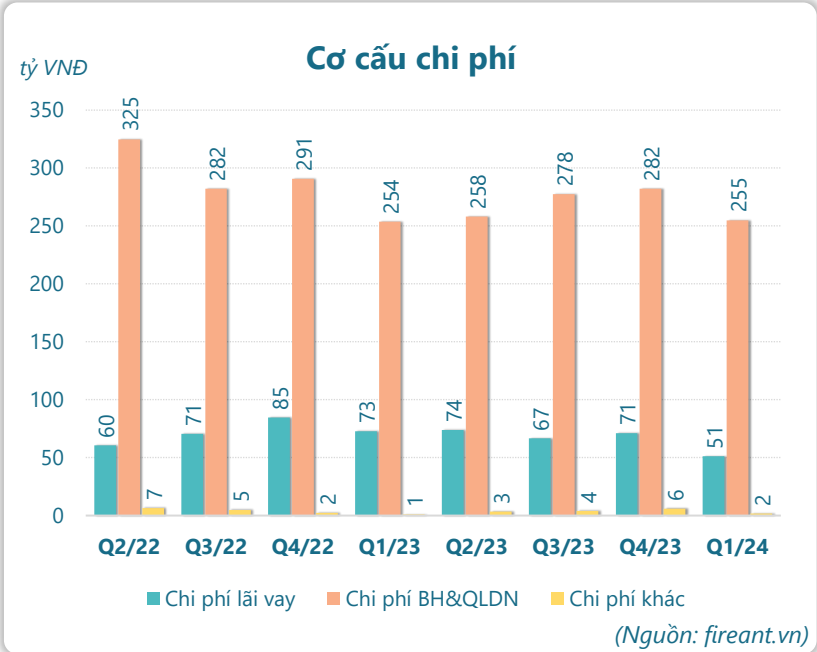
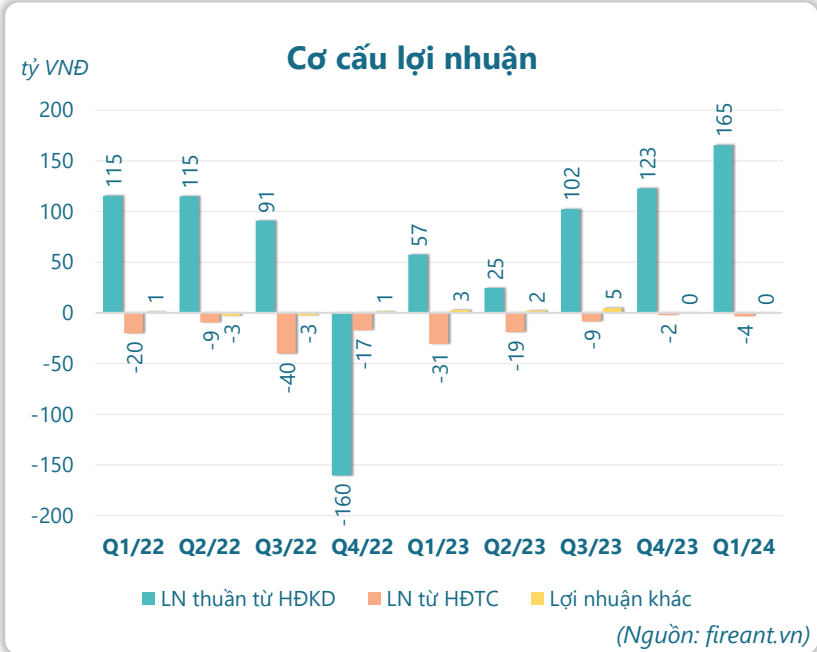
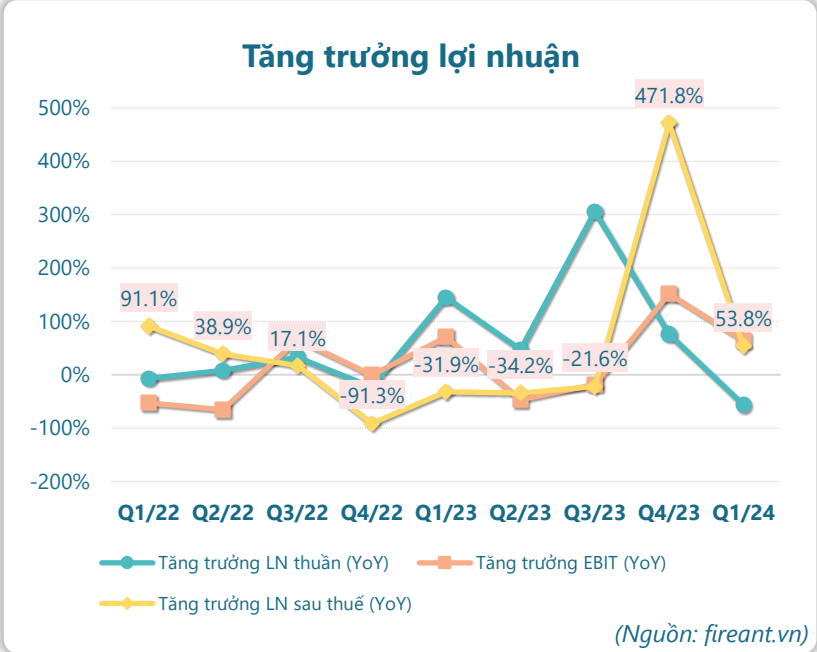
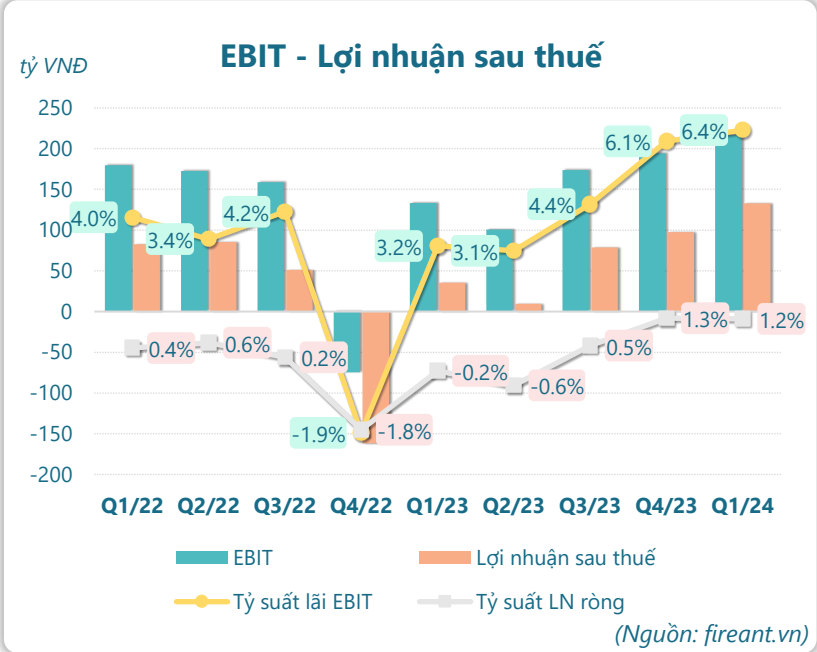
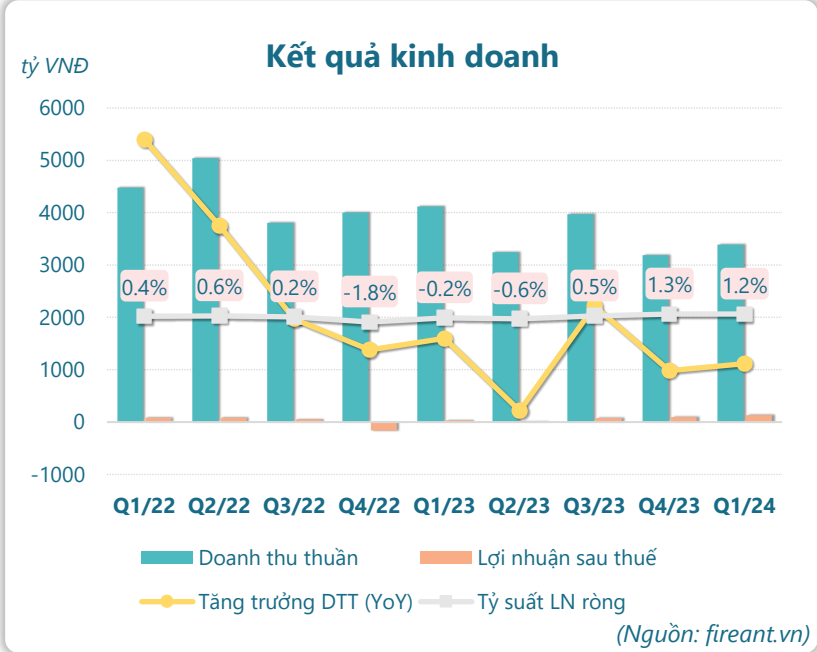
YoY: ▲ 162| 282%

ROE
2023

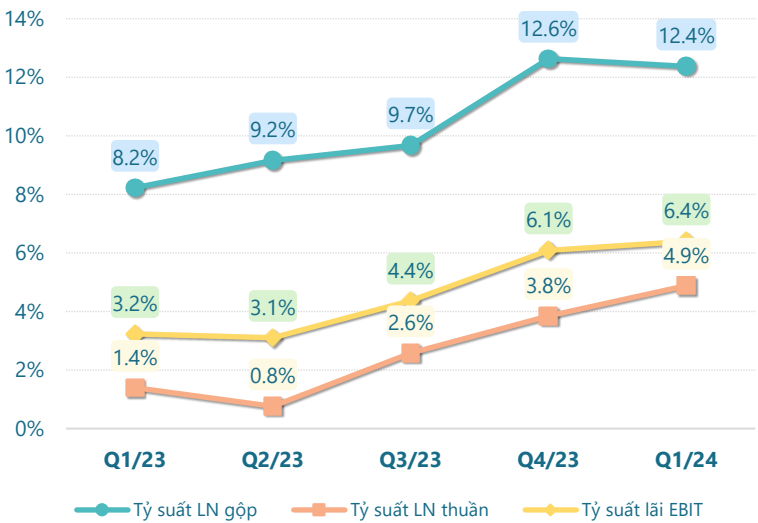
0.6%

+/- YoY: ▲ 0.9%



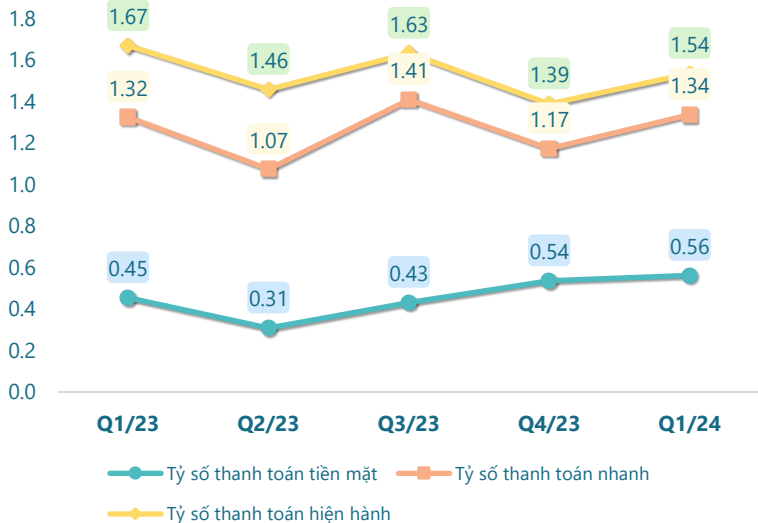


Tỷ suất lợi nhuận



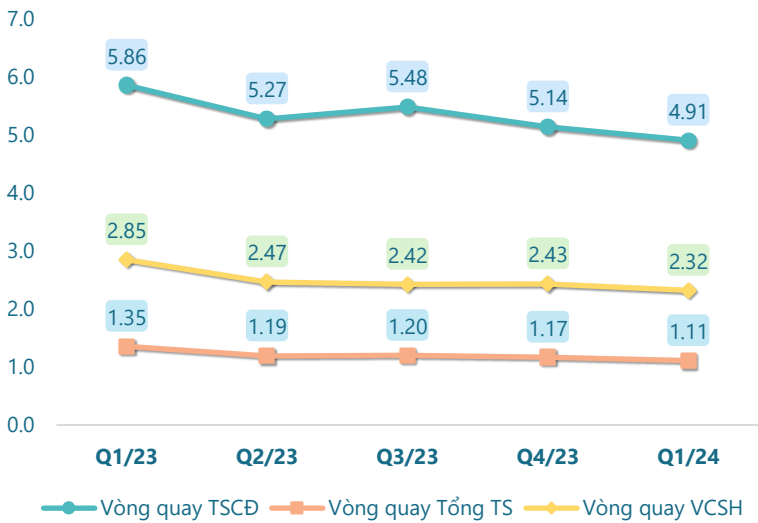
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



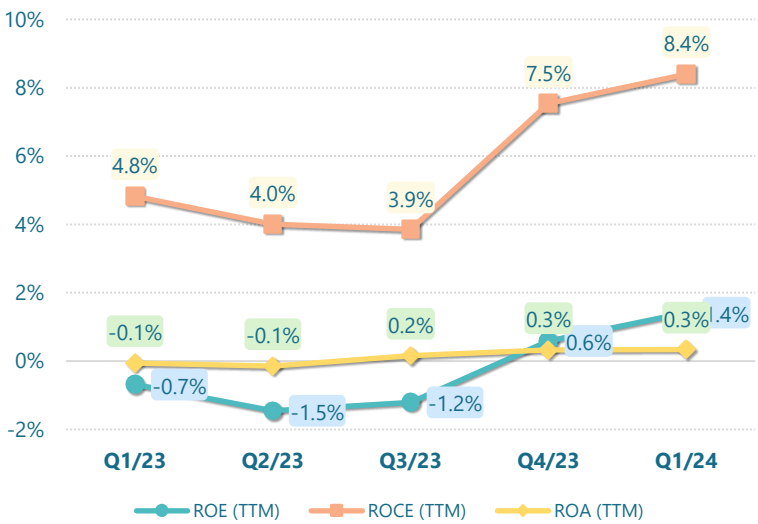
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



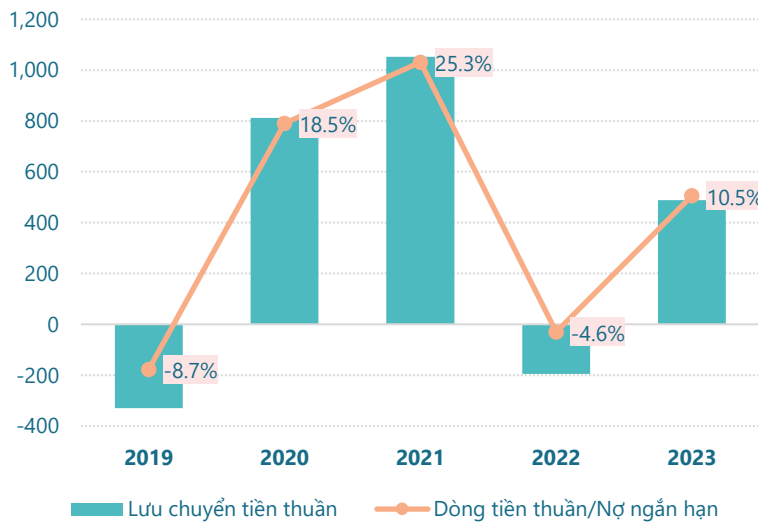
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



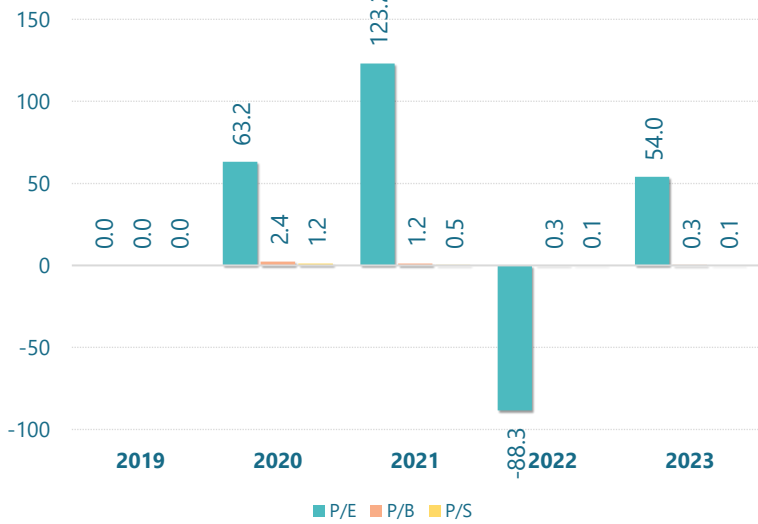
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)